

Số: /QĐ-UBND

Vĩnh Thanh, ngày tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Thịnh,  
huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2035**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 1672/QĐ-TTg ngày 30/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BXD ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về “Các công trình hạ tầng kỹ thuật”;*

*Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 16/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;*

*Căn cứ Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND tỉnh Bình Định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 04/01/2023 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất huyện Vĩnh Thạnh thời kỳ 2021 - 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 3108/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2035;*

*Theo đề nghị của UBND xã Vĩnh Thịnh tại Tờ trình số 34/TTr-UBND ngày 25/5/2023 về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Thịnh đến năm 2035 và đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Tờ trình số 511/TTr-KT&HT ngày 23/8/2023.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2035 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đồ án, vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch

1.1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2035.

1.2. Vị trí, phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch

- Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2035 là toàn bộ địa giới hành chính xã Vĩnh Thịnh.

- Phạm vi ranh giới xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Thạnh; có giới cận như sau:

+ Phía Bắc giáp xã Vĩnh Hiệp.

+ Phía Nam giáp xã Vĩnh Hòa.

+ Phía Đông giáp xã Bình Tân, huyện Tây Sơn và xã Cát Sơn, huyện Phù Cát.

+ Phía Tây giáp xã Vĩnh Quang và thị trấn Vĩnh Thạnh.

- Quy mô lập quy hoạch: 5.053,99 ha.

- Thời kỳ quy hoạch: Đến năm 2035, phân kỳ 5 năm.

## 2. Tính chất và mục tiêu quy hoạch

- Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Thịnh nhằm phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của xã trong giai đoạn hiện nay và cụ thể hóa các đồ án quy hoạch chung của tỉnh, của huyện và quy hoạch của các ngành trên địa bàn xã một cách đồng bộ.

- Tổ chức không gian tổng thể các khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội cho phù hợp với các dự án lân cận của cấp trên, phù hợp với tiềm năng, động lực phát triển kinh tế - xã hội của xã.

- Cụ thể hóa chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của huyện Vĩnh Thạnh; Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ xã Vĩnh Thịnh, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

- Phát huy lợi thế về vị trí địa lý của xã để phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2025.

- Xác lập quy mô quỹ đất để chuyển mục đích sử dụng và quyền sử dụng đất, khai thác hợp lý quỹ đất ít có giá trị sử dụng nhằm tạo nguồn tài chính để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Định hướng sử dụng đất của xã hàng năm một cách hợp lý.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý xây dựng theo quy hoạch.

## 3. Quy mô dân số, lao động; các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

### a) Dự báo phát triển dân số, lao động:

- Tốc độ tăng dân số trung bình giai đoạn 2022 - 2025 là 1%/năm (trong đó: tăng tự nhiên là 0,4%/năm, tăng cơ học là 0,6%/năm); giai đoạn 2026 - 2035 là 1,0%/năm (trong đó: tăng tự nhiên là 0,3%/năm, tăng cơ học là 0,7%/năm).

- Dân số toàn xã đến năm 2025 là 6.290 người và đến năm 2035 là 6.948 người.

- Lao động: Nguồn lao động đến năm 2025 là 3.900 người, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 86%; đến năm 2035 là 4.447 người, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 90%.

### b) Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:

#### b1) Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất:

+ Giai đoạn 2021 - 2025: Nông - lâm - ngư nghiệp tăng 15,4%; thương mại - dịch vụ tăng 15,6%; công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng tăng 4,32%.

+ Giai đoạn 2026 - 2035: Nông - lâm - ngư nghiệp tăng 16,2%; thương mại - dịch vụ tăng 17,8%; công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng tăng 8,6%.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo giá trị sản xuất:

+ Đến năm 2025: Nông nghiệp chiếm 74,53%; thương mại, dịch vụ chiếm 21,15%, tiểu thủ công nghiệp chiếm 4,32%;

+ Đến năm 2035: Nông nghiệp chiếm 55%; thương mại và dịch vụ chiếm 33%; công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, chiếm 12%;

- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 55 triệu đồng/người/năm và đến năm 2035 đạt từ 70 - 75 triệu đồng/người/năm.

- Đến năm 2030 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

#### *b2) Chỉ tiêu kỹ thuật:*

Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật trong đồ án quy hoạch chung xây dựng xã thực hiện theo Điều 18 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ; Điều 34 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021; QCVN 07:2016/BXD "Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật" và điều kiện ở địa phương, xác định các chỉ tiêu chủ yếu sau:

- Chỉ tiêu đất xây dựng:

+ Đất ở tại các khu dân cư mới: 30m<sup>2</sup>/người.

+ Đất công trình công cộng, dịch vụ tối thiểu: 5m<sup>2</sup>/người.

+ Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật: 5 m<sup>2</sup>/người.

+ Đất cây xanh công cộng tối thiểu: 2m<sup>2</sup>/người.

+ Đất giao thông đối ngoại: Theo quy hoạch của huyện và tỉnh.

- Các chỉ tiêu kiến trúc:

+ Nhà ở trong các thôn xóm tầng cao trung bình từ 1 - 3 tầng.

+ Nhà chia lô mặt đường và khu trung tâm cao trung bình từ 1 - 5 tầng.

+ Các công trình văn hóa, giáo dục tầng cao trung bình từ 1 - 3 tầng.

+ Các công trình hành chính và các công trình công cộng khác cao trung bình từ 1 - 3 tầng.

- Quy định về quy mô tối thiểu các công trình công cộng, dịch vụ, kỹ thuật:

STT	Nội dung	Chỉ tiêu	Ghi chú
1	Trụ sở UBND xã	- Tổng diện tích đất: $\geq 1.000 \text{ m}^2$ . - Định mức diện tích đất sử dụng mỗi trụ sở: $\leq 400 \text{ m}^2$ .	Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
2	Cấp điện	- Tỷ lệ số hộ dùng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn: $\geq 95\%$ . - Chỉ tiêu cấp điện (giai đoạn dài hạn): + Điện năng: $\geq 200 \text{ kWh/người/năm}$ . + Chỉ tiêu cấp điện cho công trình công cộng: $\geq 15\%$ nhu cầu sinh hoạt của xã. + Phụ tải: $\geq 150 \text{ W/người}$ .	Quyết định số 4293/QĐ-BCT ngày 28/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Công thương
3	Trường, điểm trường mầm non	- Bán kính phục vụ: $\leq 1 \text{ km}$ . - Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu: 50 chỗ/ 1.000 dân. - Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu: $\geq 12 \text{ m}^2/\text{chỗ}$ .	Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
4	Trường, điểm trường tiểu học	- Bán kính phục vụ: $\leq 1 \text{ km}$ . - Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu: 65 chỗ/ 1.000 dân. - Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu: $\geq 10 \text{ m}^2/\text{chỗ}$ .	Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
5	Trường THCS	- Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu: 55 chỗ/ 1.000 dân. - Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu: $\geq 10 \text{ m}^2/\text{chỗ}$ .	
6	Trạm Y tế	- Không có vườn thuốc: Diện tích đất $500 \text{ m}^2/\text{trạm}$ . - Có vườn thuốc: Diện tích đất $1.000 \text{ m}^2/\text{trạm}$ .	

STT	Nội dung	Chỉ tiêu	Ghi chú
7	Văn hóa, thể thao công cộng (Các hạng mục văn hóa, thể thao công cộng phải kết hợp trong cùng nhóm công trình để đảm bảo sử dụng khai thác)	- Nhà văn hóa 1.000 m <sup>2</sup> /công trình. - Phòng truyền thống 200 m <sup>2</sup> /công trình. - Thư viện 200 m <sup>2</sup> /công trình. - Hội trường 100 chỗ/công trình. - Cụm công trình, sân bãi thể thao 5.000 m <sup>2</sup> /cụm.	Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
8	Chợ, cửa hàng dịch vụ (Tùy theo đặc điểm địa phương có thể bố trí cho xã hoặc liên xã)	- 01 chợ/ xã với diện tích 1.500 m <sup>2</sup> . - 01 công trình/khu trung tâm 300 m <sup>2</sup> .	Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
9	Điểm phục vụ bưu chính viễn thông	01 điểm/xã với diện tích 150 m <sup>2</sup> /điểm.	
10	Cấp nước	- Nước cấp cho sinh hoạt: Trường hợp cấp nước đến hộ gia đình đảm bảo tối thiểu 60 lít/người/ngày.đêm; trường hợp cấp nước đến vị trí lấy nước công cộng đảm bảo tối thiểu 40lít/người/ngày.đêm. - Nước cấp cho sản xuất tiểu thủ công nghiệp tại hộ gia đình $\geq 8\%$ lượng nước cấp cho sinh hoạt.	Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
11	Nghĩa trang	Diện tích nghĩa trang tập trung 0,04 ha/1.000 người.	Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
12	Thoát nước thải	Tối thiểu phải thu gom đạt 80% lượng nước thải phát sinh để xử lý	

#### 4. Phân khu chức năng

##### 4.1. Quy hoạch khu dân cư mới và cải tạo thôn, xóm

- Điểm dân cư thôn M2: Quy hoạch đất ở nông thôn với diện tích 3,17 ha. Bố trí điểm dân cư mới nằm ở phía Bắc nhà văn hóa thôn M2.

- Điểm dân cư thôn M3: Quy hoạch đất ở nông thôn với diện tích 1,8 ha. Bố trí điểm dân cư mới dọc theo đường trục liên thôn.

- Điểm dân cư thôn Vĩnh Trường: Quy hoạch đất ở nông thôn với diện tích 3,58 ha. Bố trí điểm dân cư mới dọc theo đường trục liên thôn, xóm.

- Điểm dân cư thôn An Nội: Quy hoạch đất ở nông thôn với diện tích 2,24 ha. Bố trí điểm dân cư mới dọc theo 2 bên đường ĐH29, đường trục liên thôn, xóm.

- Điểm dân cư thôn An Ngoại: Quy hoạch đất ở nông thôn với diện tích 0,69 ha. Bố trí điểm dân cư mới dọc theo đường ĐH31.

- Điểm dân cư thôn Vĩnh Thái: Quy hoạch đất ở nông thôn 1,22 ha. Bố trí điểm dân cư mới gần đường ĐH31 và đường trục thôn.

- Điểm dân cư thôn Vĩnh Định: Quy hoạch đất ở nông thôn với diện tích 1,51ha. Bố trí điểm dân cư mới gần đường ĐH31 và đường trục thôn, xóm.

- Điểm dân cư thôn Vĩnh Bình: Quy hoạch đất ở nông thôn với diện tích 1,87ha. Bố trí điểm dân cư mới gần đường ĐH29 và đường trục thôn.

- Điểm dân cư thôn Vĩnh Hòa: Quy hoạch đất ở nông thôn với diện tích 1,83ha. Bố trí điểm dân cư mới theo đường trục thôn và xen kẽ trong khu dân cư cũ.

- Điểm dân cư khu trung tâm xã: Quy hoạch đất mới ở khu trung tâm xã diện tích 9,0ha ở thôn An Nội.

#### 4.2. Quy hoạch hệ thống hạ tầng xã hội khu trung tâm

Theo đồ án Quy hoạch chung xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2020 thì khu trung tâm xã thuộc địa phận của thôn An Ngoại với tổng diện tích 25,21 ha. Tuy nhiên, trong kỳ quy hoạch đợt này có sự điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện gắn với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong thời gian đến. Quy mô diện tích ranh giới khu trung tâm xã với diện tích 31,1ha thuộc địa phận của thôn An Nội. Quy hoạch các công trình khu trung tâm xã:

Stt	Công trình	Thôn	Diện tích hiện trạng (m <sup>2</sup> )	Diện tích quy hoạch (m <sup>2</sup> )	Biến động tăng (+), giảm (-) (m <sup>2</sup> )
1	Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã	An Nội	8.929,0	8.929,0	
2	Trạm y tế xã	An Nội		2.000,0	2.000,0
3	Nhà văn hóa xã	An Nội	4.409,2	8.409,2	4.000,0
4	Sân vận động xã	An Nội		20.000,0	20.000,0
5	Nhà làm việc công an xã	An Nội		1.250,0	1.250,0
6	Hợp tác xã nông nghiệp Vĩnh Thịnh	An Nội		1.800,0	1.800,0
7	Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn	An Nội		2.500,0	2.500,0
8	Hoa viên cây xanh sinh hoạt cộng đồng xã	An Nội		12.278,0	12.278,0

9	Nhà văn hóa thôn An Nội	An Nội	392,2	392,2	
10	Trường Mầm non ở thôn An Nội	An Nội	815,2	815,2	
11	Khu thể dục, thể thao thôn An Nội	An Nội		854,1	854,1
12	Buru điện văn hóa xã	An Nội		500,0	500,0
	<b>Tổng cộng</b>		<b>14.545,6</b>	<b>59.727,7</b>	<b>45.182,1</b>

#### 4.3. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm xã

##### a) Hệ thống đường giao thông:

- Đường ĐH29: Dài 4,26km đã được bê tông hóa, đạt 100% theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải đường cấp 5 đồng bằng và lộ giới 32m.

- Đường trong khu trung tâm quy hoạch nền đường 14m, mặt đường 7m. Kết cấu bê tông xi măng.

##### b) Hệ thống cấp điện:

- Nguồn điện: Nguồn điện cung cấp cho khu trung tâm xã lấy từ trạm biến áp thôn An Nội và quy hoạch mới một trạm biến áp gần sân vận động xã.

- Lưới điện: Hệ thống lưới điện trong khu trung tâm được thiết kế theo mạng hình tia.

+ Xây dựng đường dây 0,4kV cấp điện từ trạm biến áp tới các công trình và khu dân cư trong khu trung tâm xã.

+ Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng dọc theo các trục đường trong khu trung tâm xã quy hoạch mới.

##### c) Hệ thống đường cấp nước:

- Nguồn nước: Hiện tại lấy từ nguồn nước sạch ở khu phố Định Tổ thuộc thị trấn Vĩnh Thạnh. Quy hoạch mới một nhà máy nước sạch tại thôn M2.

- Hệ thống đường ống cấp nước: Được thiết kế đi theo đường giao thông đến các công trình và hộ gia đình.

##### d) Hệ thống đường thoát nước và vệ sinh môi trường:

- Hệ thống thoát nước: Đối với từng công trình xử lý nước thải ngay tại chỗ, với các công trình bề tự thấm hoặc sau khi xử lý sơ bộ có thể xả vào hệ thống thoát nước chung của khu trung tâm. Hệ thống thoát nước khu trung tâm sẽ thiết kế hệ thống thoát nước mưa và nước thải sinh hoạt bằng hệ thống đường rãnh, xây gạch, nắp đan bê tông dọc theo tuyến đường giao thông khu trung tâm.

- Thu gom rác thải: Quy hoạch bố trí các thùng đựng rác công cộng tại các vị trí phù hợp trong khu trung tâm. UBND xã Vĩnh Thịnh hợp đồng với



đơn vị có năng lực để thu gom rác chuyên dụng về bãi rác chung của huyện để xử lý.

## 5. Định hướng tổ chức không gian xã

### 5.1. Định hướng tổ chức hệ thống các công trình công cộng, dịch vụ

a) *Trụ sở cơ quan Đảng ủy - HĐND - UBND xã*: Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Vĩnh Thịnh hiện có với diện tích 8.929,0m<sup>2</sup>. Định hướng trong thời gian đến, đầu tư xây dựng tường rào xung quanh trụ sở cơ quan.

b) *Trạm Y tế xã Vĩnh Thịnh*: Định hướng trong thời gian đến, đầu tư xây dựng mới tại khu trung tâm xã với diện tích 2.000m<sup>2</sup> để đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh cho nhân dân địa phương.

c) *Công trình an ninh*: Quy hoạch và xây dựng mới nhà làm việc công an xã với diện tích 1.250m<sup>2</sup> tại khu trung tâm xã. Xây dựng các phòng chức năng, phòng làm việc và đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu làm việc.

d) *Bưu điện văn hóa xã*: Quy hoạch điểm mới tại khu trung tâm xã với diện tích 500m<sup>2</sup>. Trong thời gian đến đầu tư xây dựng mới để phục vụ cho nhân dân. Quy hoạch bưu điện (cũ) chuyển sang đất ở nông thôn.

đ) *Hợp tác xã Nông nghiệp Vĩnh Thịnh*: Quy hoạch và xây dựng mới nhà làm việc hợp tác xã nông nghiệp với diện tích 1.800m<sup>2</sup> tại khu trung tâm xã.

e) Quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn, diện tích 0,25ha tại thôn An Nội.

g) *Thao trường huấn luyện dân quân tự vệ xã Vĩnh Thịnh*: Đầu tư xây dựng mới với diện tích 20.000m<sup>2</sup> tại thôn M3.

#### h) Công trình giáo dục:

- Trường Mầm non Vĩnh Thịnh: Giữ nguyên vị trí hiện trạng tại thôn An Ngoại, diện tích 2.324,9m<sup>2</sup> (trụ sở UBND xã cũ). Đầu tư xây dựng mới để trường đạt chuẩn quốc gia. Các Điểm Trường Mầm non ở các thôn An Nội, An Ngoại, Vĩnh Định và Vĩnh Thái chuyển sang quy hoạch đất ở nông thôn.

- Trường Tiểu học Vĩnh Thịnh: Giữ nguyên vị trí hiện trạng tại thôn Vĩnh Định, diện tích 6.638,1m<sup>2</sup> và 02 điểm lẻ tại thôn M2 diện tích 2.501,9m<sup>2</sup> và thôn Vĩnh Hòa diện tích 4.725,9m<sup>2</sup>.

- Trường Trung học cơ sở Huỳnh Thị Đào: Giữ nguyên vị trí hiện trạng tại thôn Vĩnh Định, diện tích 4.656m<sup>2</sup>.

#### i) Công trình văn hóa - thể thao:

+ Nhà vă hoá xã: Giữ nguyên vị trí hiện trạng tại thôn An Nội, diện tích 8.409,2m<sup>2</sup> (mở rộng thêm 4.000m<sup>2</sup>).

+ Khu thể thao xã: Quy hoạch 01 sân Vận động xã tại trung tâm với diện tích 20.000m<sup>2</sup>. Đầu tư xây dựng mới nhằm đạt chuẩn theo quy định nhà thi đấu và khu thể thao đa năng.

- Nhà văn hóa và khu thể thao thôn:

+ Thôn M2: Giữ nguyên nhà văn hóa 1.028,5m<sup>2</sup> và khu thể thao 7.991,4m<sup>2</sup>.

+ Thôn M3: Giữ nguyên nhà văn hóa 2.917,2m<sup>2</sup> và quy hoạch khu thể thao 1.481m<sup>2</sup>.

+ Thôn Vĩnh Trường: Giữ nguyên nhà văn hóa và khu thể thao 2.015,2m<sup>2</sup>.

+ Thôn An Nội: Giữ nguyên nhà văn hóa 392,2m<sup>2</sup> và quy hoạch khu thể thao mới với diện tích 854,1m<sup>2</sup>.

+ Thôn An Ngoại: Giữ nguyên nhà văn hóa và khu thể thao 1.949,6m<sup>2</sup>.

+ Thôn Vĩnh Định: Quy hoạch mới nhà văn hóa và khu thể thao 1.995,3m<sup>2</sup>.

+ Thôn Vĩnh Thái: Giữ nguyên nhà văn hóa và khu thể thao, diện tích 4.604,8m<sup>2</sup>.

+ Thôn Vĩnh Hòa: Giữ nguyên nhà văn hóa và khu thể thao, diện tích 1.585,4m<sup>2</sup>.

+ Thôn Vĩnh Bình: Giữ nguyên nhà văn hóa 493,6m<sup>2</sup> và khu thể thao 599,8m<sup>2</sup>.

*k) Công trình thương mại, dịch vụ và chợ:*

- Công trình thương mại, dịch vụ: Quy hoạch 04 điểm dịch vụ, thương mại với quy mô diện tích 03 ha ở thôn An Nội tại khu trung tâm xã.

- Chợ: Giữ nguyên theo vị trí hiện tại ở thôn Vĩnh Hòa, diện tích 883,5m<sup>2</sup>.

*l) Công trình xử lý nước thải:* Đầu tư xây dựng mới 01 điểm xử lý nước thải với diện tích 10.000m<sup>2</sup> gần khu trung tâm xã.

*m) Công trình nước sạch:* Đầu tư xây dựng mới 01 nhà máy nước sạch tại thôn M2 với diện tích 20.000m<sup>2</sup>.

*n) Công trình di tích lịch sử:* Quy hoạch mở rộng khu di tích lịch sử Gộp Nước Ló tại thôn M2 với diện tích 60.000m<sup>2</sup>. Định hướng trong thời gian đến đầu tư xây dựng khu di tích gắn với phát triển du lịch.

*o) Công trình công viên, cây xanh cách ly:* Tại khu trung tâm xã quy hoạch 1 điểm hoa viên, cây xanh cách ly với diện tích 12.278m<sup>2</sup> để phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí và sinh hoạt của người dân địa phương.

5.2. Định hướng tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc khu dân cư

mới và các thôn cũ

a) *Đối với khu dân cư hiện trạng:*

- Khuyến khích tổ chức không gian, xây dựng công trình kế thừa bản sắc và kiến trúc truyền thống. Trong khuôn viên đất ở có nhà chính, nhà phụ (bếp, kho, sản xuất phụ,...) và các công trình phụ riêng biệt, có sân vườn,...

- Diện tích lô đất ở hộ sản xuất nông nghiệp: Từ 200m<sup>2</sup>/hộ trở lên.

- Diện tích lô đất ở hộ kinh doanh, hộ làm nghề: Từ 100m<sup>2</sup>/hộ trở lên.

- Mật độ xây dựng tối thiểu 40%.

- Chiều cao tầng khuyến khích ≤ 3 tầng.

b) *Đối với khu dân cư mới:*

- Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu điểm dân cư nông thôn mới:

TT	Loại đất	(m <sup>2</sup> /người)
1	Đất xây dựng công trình nhà ở	30
2	Đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ	5
3	Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật	5
4	Cây xanh công cộng	2

- Hình thái kiến trúc nhà ở:

+ Kiến trúc hiện đại, đặc trưng của điểm dân cư nông thôn mới mang dáng dấp của dân cư đô thị mới. Khuyến khích tổ chức không gian, xây dựng công trình kế thừa bản sắc và kiến trúc truyền thống: Trong khuôn viên đất ở có nhà chính, nhà phụ (bếp, kho, sản xuất phụ,...) và các công trình phụ riêng biệt, có sân vườn,...

+ Diện tích lô đất ở hộ sản xuất nông nghiệp: Từ 200m<sup>2</sup>/hộ trở lên.

+ Diện tích lô đất ở hộ kinh doanh, hộ làm nghề: Từ 100m<sup>2</sup>/hộ trở lên.

+ Mật độ xây dựng tối thiểu 60%.

+ Chiều cao tầng từ 1 đến 5 tầng.

5.3. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất, dịch vụ:

a) *Quy hoạch sản xuất nông, lâm, thủy sản:*

- *Trồng trọt:*

+ Bố trí vùng sản xuất lúa chất lượng cao với diện tích 97ha tại thôn An Ngoại, Vĩnh Định, Vĩnh Thái và Vĩnh Hòa.

+ Bố trí 01 vùng trồng rau an toàn tại thôn Vĩnh Hòa theo tiêu chuẩn VietGAP với diện tích 9,8ha.

+ Bố trí 1 vùng trồng hoa màu tại thôn Vĩnh Bình với diện tích 81,5ha.

+ Bố trí 01 vùng trồng cây ăn quả tại thôn Vĩnh Trường với diện tích 28,2ha.

+ Bố trí 01 vườn ươm cây giống lâm nghiệp tại thôn M2 với diện tích 1,5ha.

- *Chăn nuôi*: Định hướng phát triển các con vật nuôi chính: Bò, heo, dê, gà, vịt,... Quy hoạch 02 điểm chăn nuôi tập trung.

+ Bố trí 01 điểm chăn nuôi tập trung với diện tích 16 ha tại thôn Vĩnh Bình và Vĩnh Hòa.

+ Bố trí 01 điểm chăn nuôi trang trại tổng hợp với diện tích 3,35 ha tại thôn Vĩnh Trường.

- *Lâm nghiệp*: Quy hoạch đất lâm nghiệp đến năm 2025 là 3.615,53 ha và đến năm 2035 là 3.620,73 ha, giảm 12,86 ha do chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng 2,8 ha, đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 8,56 ha và đất nông nghiệp khác 1,5ha. Phương án quy hoạch tác nghiệp như sau:

+ Đối với diện tích rừng và đất lâm nghiệp do Ban Quản lý rừng Phòng hộ Vĩnh Thạnh quản lý 2.512,06ha. Ban quản lý rừng phòng hộ Vĩnh Thạnh đã xây dựng Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2021 – 2025, đã được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt tại Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 15/02/2023;

+ Đối với diện tích rừng và đất lâm nghiệp do UBND xã Vĩnh Thịnh và người dân địa phương quản lý 1.108,67ha, trong đó: Rừng tự nhiên 430,76ha, rừng trồng 677,91ha. Trong thời gian đến, có kế hoạch khoanh nuôi và khoán quản lý bảo vệ rừng tự nhiên để giao cho hộ gia đình quản lý tại khoảnh 3, 4, 5, 8 thuộc Tiểu khu 219; rừng trồng 677,91 ha, tại khoảnh 4, 7, 8 Tiểu khu 219 và Khoảnh 5a, 8 Tiểu khu 211, tập trung phát triển trồng rừng cây gỗ lớn và cấp chứng chỉ rừng bền vững (FSC) bằng hình thức liên kết chuỗi sản xuất giữa hộ gia đình và doanh nghiệp gỗ.

- Thủy sản: Diện tích nuôi trồng thủy sản của xã là 25 ha, tập trung chủ yếu ở mặt nước hồ Hòn Lập và các hồ nhỏ trên địa bàn xã. Định hướng trong thời gian đến nuôi chủ yếu là cá điêu hồng, thác lát cườm, trê lai, rô phi đơn tính, góp phần tăng thu nhập cho người dân; đồng thời, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất:

+ Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động của Hợp tác xã

nông nghiệp Vĩnh Thịnh.

+ Phát triển liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm rau màu.

b) Quy hoạch sản xuất tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ:

- Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn M3 với diện tích 8,56ha theo Quyết định số 28/2017/QĐ-UBND ngày 14/7/2017 của UBND tỉnh Bình Định.

- Quy hoạch 04 điểm dịch vụ, thương mại với quy mô diện tích 03 ha ở thôn An Nội tại khu trung tâm xã.

- Quy hoạch 01 điểm dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng suối nước nóng với diện tích 9,23ha tại thôn Vĩnh Trường.

- Quy hoạch 01 khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn với diện tích 0,25ha ở thôn An Nội tại khu trung tâm xã.

## 6. Quy hoạch sử dụng đất

Diện tích, cơ cấu các loại đất: Tổng diện tích tự nhiên: 5.053,99ha.

- Đất nông nghiệp: 4.617,82ha.

- Đất phi nông nghiệp: 348,41ha.

- Đất chưa sử dụng: 87,76ha.

Stt	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2022		Các kỳ kế hoạch				Tăng giảm 2023/2022 (ha)
					Kỳ đầu, đến năm 2025		Kỳ cuối, đến năm 2035		
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>5.053,99</b>	<b>100,0</b>	<b>5.053,99</b>	<b>100,0</b>	<b>5.053,99</b>	<b>100,0</b>	
<b>1</b>	<b>Nhóm đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>4.693,52</b>	<b>92,87</b>	<b>4.644,71</b>	<b>91,90</b>	<b>4.617,82</b>	<b>91,37</b>	<b>-75,70</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	336,43	6,66	317,28	6,28	301,81	5,97	-34,62
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	294,54	5,83	287,96	5,70	284,82	5,64	-9,72
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	429,33	8,49	395,56	7,83	388,08	7,68	-41,25
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	794,70	15,72	786,14	15,55	785,34	15,54	-9,36
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	2.832,89	56,05	2.829,39	55,98	2.829,39	55,98	-3,50
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	5,63	0,11	5,63	0,11	5,63	0,11	
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH			22,75	0,45	22,75	0,45	22,75
<b>2</b>	<b>Nhóm đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>272,21</b>	<b>5,39</b>	<b>321,27</b>	<b>6,36</b>	<b>348,41</b>	<b>6,89</b>	<b>76,20</b>
2.1	Đất ở (Đất ở tại nông thôn)	ONT	43,90	0,87	51,21	1,01	70,44	1,39	26,54
2.2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,89	0,02	0,89	0,02	0,89	0,02	
2.3	Đất quốc phòng	CQP			2,00	0,04	2,00	0,04	2,00
2.4	Đất an ninh	CAN			2,00	0,04	2,00	0,04	2,00

2.5	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	4,57	0,09	4,57	0,09	4,57	0,09	
2.6	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	13,67	0,27	24,98	0,49	24,98	0,49	11,31
2.7	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	99,17	1,96	114,91	2,27	123,12	2,44	23,95
2.8	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,11	0,00	0,11	0,00	0,11	0,00	
2.9	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,58	0,01	0,58	0,01	0,58	0,01	
2.10	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	29,35	0,58	41,46	0,82	41,16	0,81	11,81
2.11	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	75,71	1,50	75,71	1,50	75,71	1,50	
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	4,26	0,08	2,85	0,06	2,85	0,06	-1,41
<b>3</b>	<b>Nhóm đất chưa sử dụng</b>	<b>DCS</b>	<b>88,26</b>	<b>1,75</b>	<b>88,01</b>	<b>1,74</b>	<b>87,76</b>	<b>1,74</b>	<b>-0,50</b>

## 7. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất

### 7.1. Giao thông

- *Đường giao thông nông thôn*: Nâng cấp mở rộng và mở mới đường bê tông xi măng 10 tuyến với tổng chiều dài 9.120m. Trong đó: Nâng cấp, mở rộng 5 tuyến với chiều dài 3.450m và mở mới 05 tuyến với tổng chiều dài 5.670m.

- *Đường trục nội đồng*: Đầu tư mở mới và nâng cấp 15 tuyến đường trục chính giao thông nội đồng với tổng chiều dài 8.123m.

### 7.2. Thủy lợi

- *Kênh mương*: Đầu tư kiên cố hoá 9 tuyến kênh mương tưới, tiêu với tổng chiều dài 5.754m.

- *Hệ thống kè*: Định hướng trong thời gian đến xây kè chống xói lở dọc sông Kôn, kè suối Hòn Lập với tổng chiều dài 1.930m.

### 7.3. Quy hoạch hệ thống điện

- Đầu tư xây dựng 03 trạm biến áp chủ yếu phục vụ phát triển sản xuất ở các điểm thương mại, dịch vụ, khu sản xuất nông nghiệp và các điểm dân cư mới.

- Hệ thống điện chiếu sáng các đường trục chính của xã, đường khu trung tâm xã, đường trục chính các thôn đã được đầu tư. Trong thời gian tới, vận động người dân địa phương phối hợp với UBND xã Vĩnh Thịnh tiếp tục đầu tư lắp hệ thống điện thấp sáng đường thôn, ngõ, xóm phục vụ cho việc đi lại của người dân và đảm bảo được an ninh, trật tự trên địa bàn.

7.4. Quy hoạch hệ thống cấp nước: Với tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt 120 lít/người/ngày.đêm và quy mô dân số toàn xã đến năm 2025 khoảng 6.290 người và định hướng đến năm 2035 khoảng 6.948 người; lượng nước cần cung cấp cho toàn xã như sau:

- Đến năm 2025: Khoảng 981,29 m<sup>3</sup>/ngày.đêm;
- Đến năm 2035: Khoảng 1.083,95 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

#### 7.4. Quy hoạch hệ thống thoát nước:

- Thoát nước mưa: Thoát theo địa hình tự nhiên và thông qua hệ thống cống rãnh gắn với xây dựng đường giao thông.

- Thoát nước thải:

+ Khu trung tâm xã, khu quy hoạch dân cư mới bằng cống tròn bê tông cốt thép D400x400, hệ thống xử lý dẫn về điểm xử lý nước thải trước khi thoát ra môi trường tự nhiên. Bố trí 01 điểm xử lý nước thải với diện tích 1,0 ha tại khu trung tâm xã.

+ Đối với các điểm dân cư ở các thôn vận động nhân dân xây dựng hệ thống xử lý nước thải thông qua hầm rút (hố xí, nhà tắm). Nước thải chăn nuôi vận động nhân dân xử lý theo công nghệ Biogas.

#### 7.6. Quy hoạch vệ sinh môi trường

##### a) Chất thải rắn (CTR)

- Thu gom CTR:

+ Đối với rác thải sinh hoạt của hộ gia đình cá nhân, cơ quan, trường học, cơ sở kinh doanh, hộ kinh doanh, dịch vụ ăn uống giải khát dọc theo tuyến đường ĐH29, ĐH31 từ thị trấn Vĩnh Thạnh đến xã Vĩnh Hòa và các tuyến đường trục thôn cần phải phân loại rác thải tại nguồn, UBND xã Vĩnh Thịnh ký kết hợp đồng với đơn vị có năng lực để thu gom rác chuyên dụng về bãi rác chung của huyện để xử lý.

+ Đối với rác thải sinh hoạt của các hộ xa trục lộ chính (xe tải trọng lớn không đến được) cần phải phân loại rác thải tại nguồn: Thành lập tổ thu gom rác thải, phù hợp với từng địa bàn khu dân cư, tổ có trách nhiệm thu gom rác trong tổ của mình, vận chuyển bằng xe cải tiến đến đúng vị trí quy định để đơn vị thu gom.

+ Đối với các hộ gia đình trong xóm mà nằm xa các tuyến đường, có vườn rộng thì Ban nhân dân các thôn vận động, hướng dẫn người dân phân loại rác thải tại nhà để chôn lấp, tiêu hủy theo đúng quy định.

- Xử lý CTR:

CTR trên địa bàn xã sẽ được thu gom và chuyển đến bãi rác tập trung của huyện tại xã Vĩnh Hòa để xử lý theo quy trình.

Ngoài ra, để thực hiện tốt việc bảo vệ môi trường, UBND xã Vĩnh Thịnh cần phối hợp với cơ quan bảo vệ môi trường của huyện tiến hành giám sát việc xả chất thải (nước thải, chất thải rắn, khí thải,...) của các hộ gia đình, gia trại, doanh nghiệp,... có biện pháp xử lý kịp thời đối với các

hành vi vi phạm Luật Bảo vệ môi trường.

*b) Nghĩa trang:* Mở rộng nghĩa trang nhân dân tại thôn An Nội 3,18 ha dùng chung cho 03 thôn (An Ngoại, An Nội và Vĩnh Trường); quy hoạch mới nghĩa trang nhân dân tại thôn Vĩnh Bình, Vĩnh Hòa với diện tích 5,1 ha, dùng chung cho 04 thôn (Vĩnh Định, Vĩnh Thái, Vĩnh Hòa và Vĩnh Bình); quy hoạch mới nghĩa trang nhân dân tại thôn M3 với diện tích 04 ha, dùng chung cho 02 thôn M2, M3.

#### 8. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn

##### *a) Danh mục, công trình ưu tiên đầu tư:*

- Quy hoạch chi tiết khu trung tâm xã, các điểm dân cư tập trung.
- Đầu tư xây dựng các công trình công cộng như: Nhà làm việc công an xã, trạm y tế xã, chợ, bưu điện, hợp tác xã nông nghiệp, nhà văn hóa thôn Vĩnh Định, hoa viên cây xanh và điểm xử lý nước thải,...
- Đầu tư xây dựng khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn tại khu trung tâm xã.
- Đầu tư xây dựng điểm thương mại, dịch vụ tại khu trung tâm xã.
- Đầu tư xây dựng khu di tích lịch sử Gộp Nước Ló.
- Đầu tư xây dựng khu du lịch sinh thái suối nước nóng Vĩnh Thịnh.
- Đầu tư bê tông hoá các tuyến đường trục xã, đường trục thôn, xóm và đường trục chính giao thông nội đồng.
- Đầu tư xây dựng mới 03 trạm biến áp và hệ thống đường dây hạ thế.
- Đầu tư bê tông hoá kênh mương nội đồng.
- Đầu tư xây dựng khu chăn nuôi tập trung của xã.
- Đầu tư xây dựng vùng trồng cây ăn quả tập trung.
- Đầu tư phát triển vùng sản xuất lúa chất lượng cao tại các thôn An Ngoại, Vĩnh Định, Vĩnh Thái và Vĩnh Hòa.

Xác định công trình, hạng mục ưu tiên đầu tư trên địa bàn xã, nhất là những công trình đầu tư mới hoặc nâng cấp, sửa chữa để đạt tiêu chí xây dựng nông thôn mới theo kỳ quy hoạch.

##### *b) Vốn đầu tư:*

Tổng khái toán vốn đầu tư: 68.439,5 triệu đồng. Trong đó:

- Vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: 66.789,5 triệu đồng.
- Vốn đầu tư phát triển sản xuất: 1.650 triệu đồng.

#### 9. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch



Sau khi Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2035 được phê duyệt; UBND xã Vĩnh Thịnh có trách nhiệm xây dựng Quy định quản lý quy hoạch xây dựng có tích hợp quy chế quản lý kiên trúc các điểm dân cư để trình UBND huyện phê duyệt, làm căn cứ quản lý xây dựng trên địa bàn xã theo quy hoạch này.

**10. Tiến độ, giải pháp tổ chức thực hiện đồ án quy hoạch**

- Thời gian thực hiện quy hoạch đến năm 2035.

- Sau khi Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2035 được phê duyệt; UBND xã Vĩnh Thịnh có trách nhiệm tổ chức công khai quy hoạch, lập quy hoạch xây dựng chi tiết các điểm dân cư và những công trình, dự án cụ thể để trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt, làm căn cứ tổ chức đầu tư xây dựng theo quy định.

**Điều 2.** Giao UBND xã Vĩnh Thịnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo đúng quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch UBND xã Vĩnh Thịnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, K2, KT&HT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Minh Thông**